

Bản án số: **16/2026/DS-ST**

Ngày: 23 - 01 - 2026.

Về việc tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 03/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Huỳnh N**, sinh ngày 18/8/1987 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: 091 187 005 067, cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: 324/AB, ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Huỳnh N: **Chị Nguyễn Thị Hoàn T**, sinh ngày 16/10/1998, căn cước công dân số: 083 198 006 340, cấp ngày 31/12/2021, địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của chị N. (Văn bản ủy quyền ngày 28/8/2025). (Chị T có mặt)

- Bị đơn: **Ông Huỳnh Văn Công E**, sinh ngày 08/10/1975 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: 083 075 018 950.

Địa chỉ: 456/NQ, ấp Q, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn **khởi kiện ngày 27/8/2025**, bản tự khai đề ngày 05/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, chị Nguyễn Thị Hoàn T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2022, ông Huỳnh Văn Công E nhiều lần mua thức ăn tôm của chị N và còn nợ lại số tiền là 120.143.000 đồng.

Ngày 26/6/2025, ông E có lập “Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ” với nội dung: Ông E xác nhận còn nợ với số tiền là 120.143.000 đồng, cam kết vào ngày 26/8/2025 sẽ trả cho chị N số tiền 40.000.000 đồng và ngày 15 tây mỗi tháng sẽ trả cho chị N số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi hoàn tất 80.143.000 đồng còn lại. Đồng thời ông E cam kết nếu vi phạm thì chị N sẽ được quyền khởi kiện toàn bộ số tiền còn nợ và được quyền tính lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng của số tiền mà ông E còn nợ.

Tuy nhiên, đến ngày **26/8/2025** ông E không trả cho chị N số tiền 40.000.000 đồng như đúng cam kết. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn Công E phải có nghĩa vụ trả số tiền là 128.043.000 đồng, trong đó bao gồm:

+ Nợ gốc: 120.143.000 đồng.

+ Nợ lãi: Tiền lãi tính **kể** từ ngày 26/8/2025 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 23/01/2026) là 04 tháng 27 ngày, **tính tròn 04 tháng**, theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Cụ thể:

$120.143.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 7.977.495 \text{ đồng}$ và tính số chẵn 7.900.000 đồng.

- **Tại phiên Tòa:** Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

* Đối với ông Huỳnh Văn Công E là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều **vắng mặt, nên không thu thập được lời khai**.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân **khu vực 8 - Vĩnh Long** tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. **Riêng bị đơn** vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông E có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ mua bán thức ăn tôm là 120.143.000 đồng và tính lãi suất theo quy định 1,66%/tháng, **kể** từ ngày 26/8/2025 đến khi giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Bị đơn ông Huỳnh Văn Công E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo biên bản xác minh tại Công an xã Mỹ Chánh Hòa: Xác định ông Huỳnh Văn Công E có đăng ký thường trú tại **ấp Nhơn Quới, xã Mỹ Chánh Hòa**, tỉnh Vĩnh Long, nhưng hiện tại không có mặt tại địa phương. Mà theo địa chỉ của ông E được ghi trong giao dịch “*Giấy xác nhận và cam kết trả nợ*” đề ngày 26/6/2025 với chị N là cư trú tại **ấp Nhơn Quới, xã Mỹ Nhơn, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Nhơn Quới, xã Mỹ Chánh Hòa, tỉnh Vĩnh Long)**.

Vì vậy, trong đơn khởi kiện chị N đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông E, nay ông E thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho chị N biết về nơi cư trú mới theo quy định tại **khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277** Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại **điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017** của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông E là có căn cứ theo quy định tại **điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Trần Huỳnh N khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn Công E có nghĩa vụ trả số tiền nợ mua bán thức ăn tôm là 120.143.000 đồng và tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại **Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Huỳnh Văn Công E có đăng ký thường trú tại **ấp Nhơn Quới, xã Mỹ Chánh Hòa**, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

** Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Huỳnh Văn Công E có nghĩa vụ trả số tiền nợ 120.143.000 đồng và tính lãi suất.

- Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy xác nhận và cam kết trả nợ ngày 26/6/2025.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, **xác** định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm với **nhau** và số nợ sau khi hai bên kết nợ lại vào ngày 26/6/2025 là 120.143.000 đồng đến nay chưa trả.

Đối với ông Huỳnh Văn Công E trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai.

[4.1]. Xét tài liệu, chứng cứ do **nguyên đơn** giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đó là: “*Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ*” đề ngày 26/6/2025, ông E đã xác nhận: Ông còn nợ chị N với số tiền là 120.143.000 đồng, cam kết vào ngày 26/8/2025 sẽ trả cho chị N số tiền 40.000.000 đồng và ngày 15 tây mỗi tháng sẽ trả cho chị N số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi hoàn tất 80.143.000 đồng còn lại. Đồng thời ông E cam kết nếu vi phạm thì chị N sẽ được quyền khởi kiện toàn bộ số tiền còn nợ và được quyền tính lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng của số tiền mà ông E còn nợ. Tại mục người cam kết ông E ký và ghi đầy đủ họ tên.

[4.2]. Nay ông E không có ý kiến gì **về** chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, **đều vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết**, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ **các giấy triệu tập, Thông báo các** tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, ra Thông báo cho ông E có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp **cho** ông “*về việc chị N có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn Công E phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 120.143.000 đồng và tính lãi suất 1.66%/tháng đến khi giải quyết xong vụ án*” nhưng hết thời gian ấn định và cho đến khi mở phiên tòa xét xử, **ông E** vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hay có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của **nguyên đơn**, cũng như không có ý kiến gì về chứng cứ do **nguyên đơn** giao nộp. Do đó, căn cứ theo quy định tại **khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự**, xem như **mặc nhiên ông E** thừa nhận còn nợ **nguyên đơn** số tiền nợ **nêu trên**.

[4.3]. Từ cơ sở trên, xác định được giữa nguyên đơn và ông E có quan hệ giao dịch mua bán thức ăn nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm); được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, mặc dù không làm Hợp đồng bằng văn bản nhưng có làm giấy xác nhận nợ, **được** xem là Hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại **Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015**. Qua Hợp đồng mua bán thấy rằng, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đầy đủ cho **bị đơn**; đồng thời **bị đơn** đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầy đủ cho nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu **bị đơn** trả số tiền nợ còn lại là **120.143.000 đồng** là có cơ sở và phù hợp với quy định tại **Điều 280; Điều 430, 440** của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất **kể** từ ngày 26/8/2025 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 23/01/2026) là 04 tháng 27 ngày, **tính tròn 04 tháng**, theo mức lãi suất 1,66%/tháng, là phù hợp với quy định tại **khoản 3 Điều 440** của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

$120.143.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 7.977.495 \text{ đồng}$. Ghi nhận sự tự nguyện, nguyên đơn tính số chẵn là 7.900.000 đồng.

- Tổng cộng vốn và lãi là: 128.043.000 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: **120.143.000 đồng**.

+ Nợ lãi: 7.900.000 đồng.

[6]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long về quan điểm giải quyết vụ án: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị N được chấp nhận toàn bộ, nên ông E phải chịu án phí của số tiền 128.043.000 đồng là:

128.043.000 đồng x 5% = 6.402.150 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các **Điều 430, 440, 280** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **điểm b khoản 2** Điều 227, khoản 3 Điều 228; **khoản 2 Điều 91**; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Huỳnh N đối với ông Huỳnh Văn Công E về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”.

2. Buộc ông Huỳnh Văn Công E phải có nghĩa vụ trả cho **chị** Trần Huỳnh N số tiền nợ mua bán thức ăn nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) là 128.043.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Trong đó:

+ Nợ gốc: 120.143.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

+ Nợ lãi: 7.900.000 đồng (Bảy triệu, chín trăm nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày **có** đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, **bên** phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

4.1. Ông Huỳnh Văn Công E phải có nghĩa vụ chịu là 6.402.150 đồng (Sáu triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, một trăm năm mươi đồng).

4.2. Chị Trần Huỳnh N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.103.575 đồng (Ba triệu, một trăm lẻ ba nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005582 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với **bị đơn** ông Huỳnh Văn Công E vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

